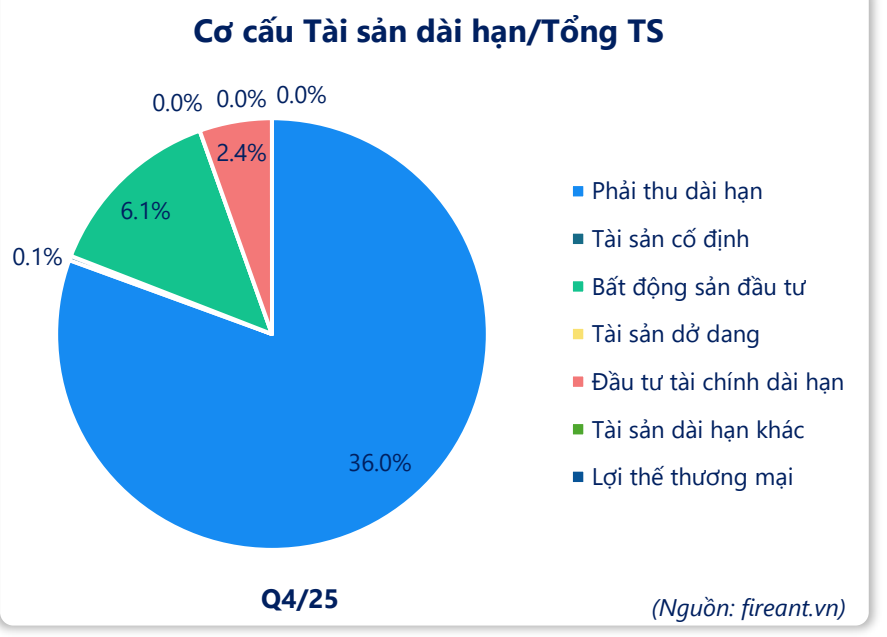
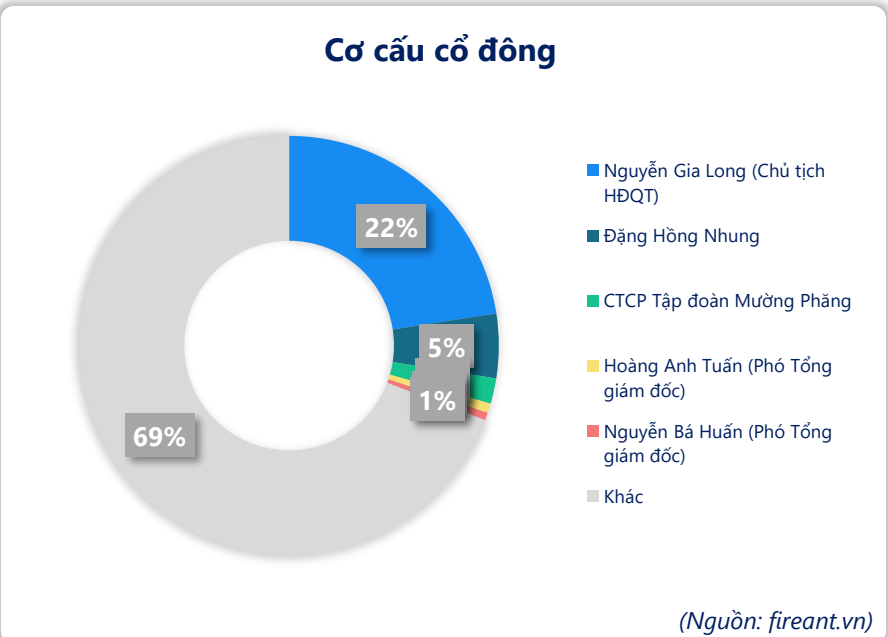
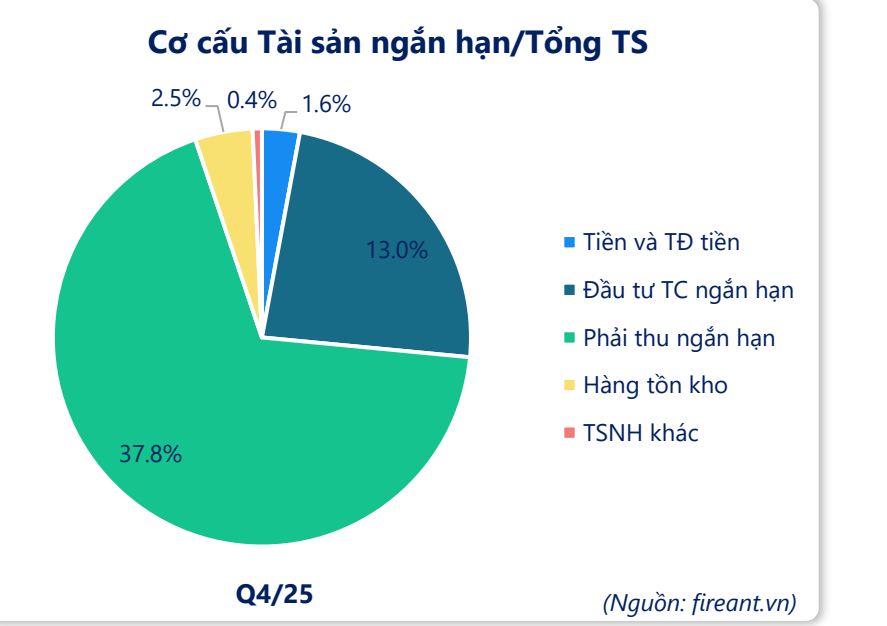
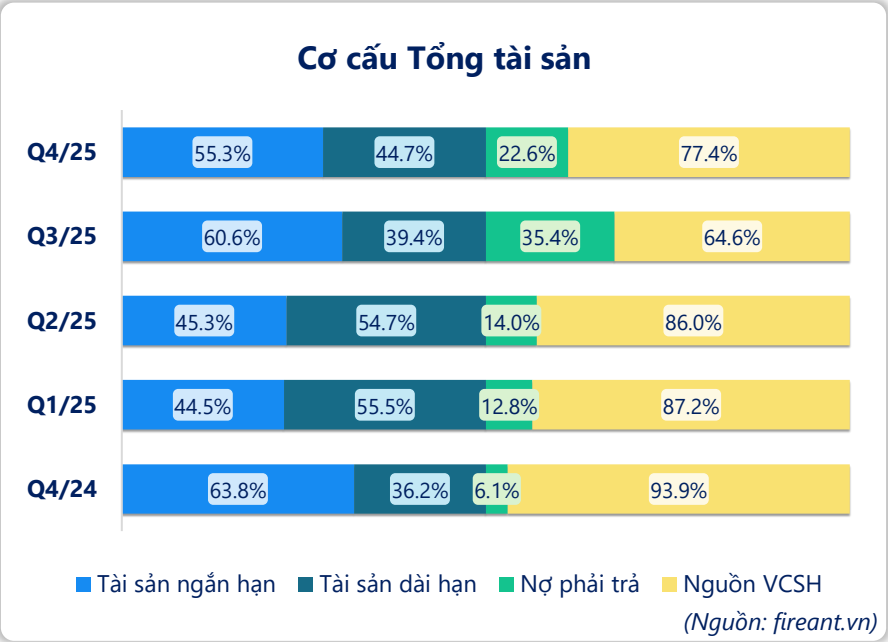
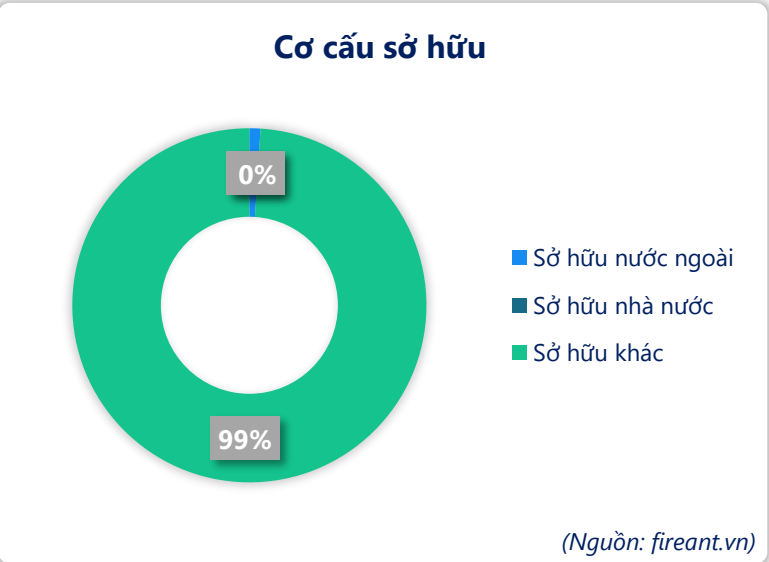
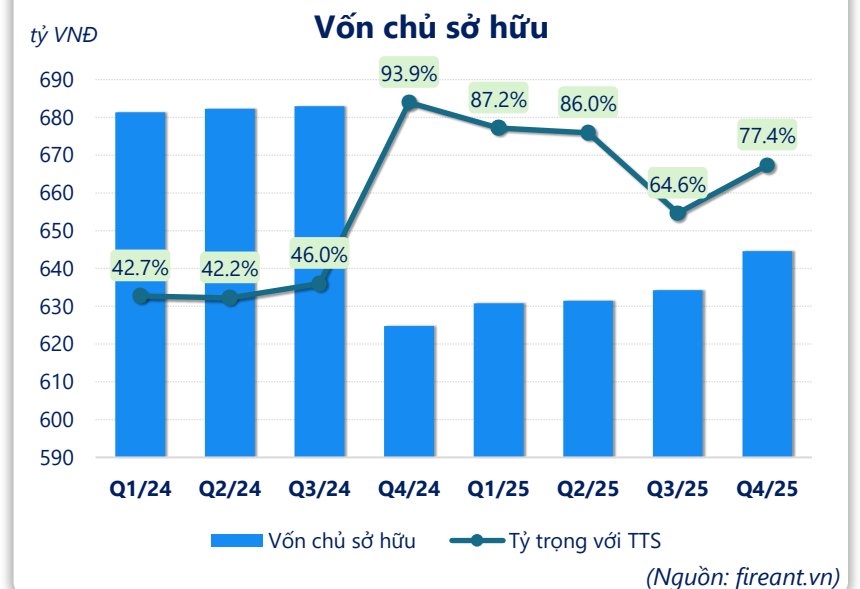
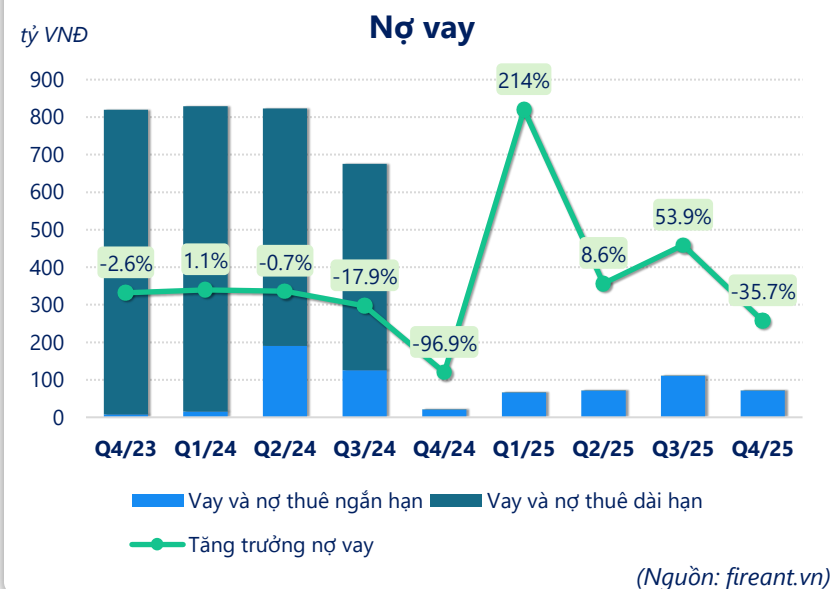
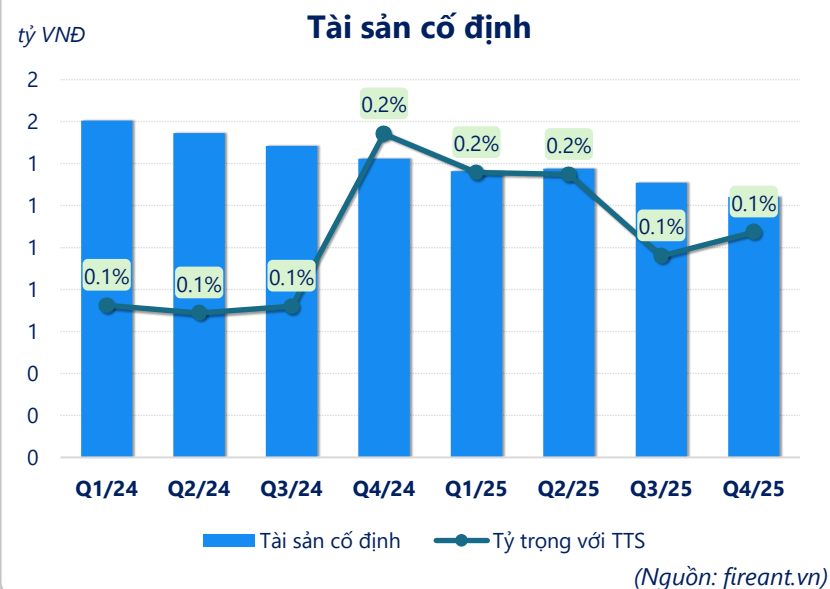
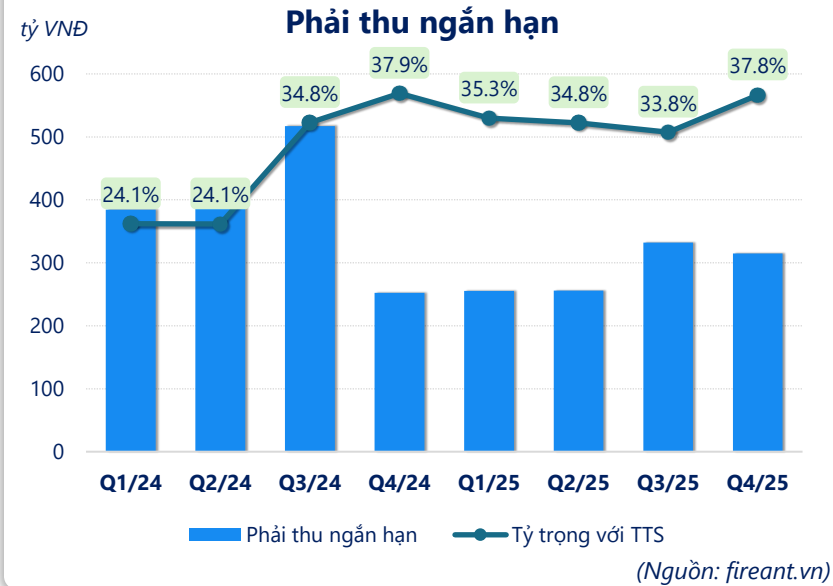
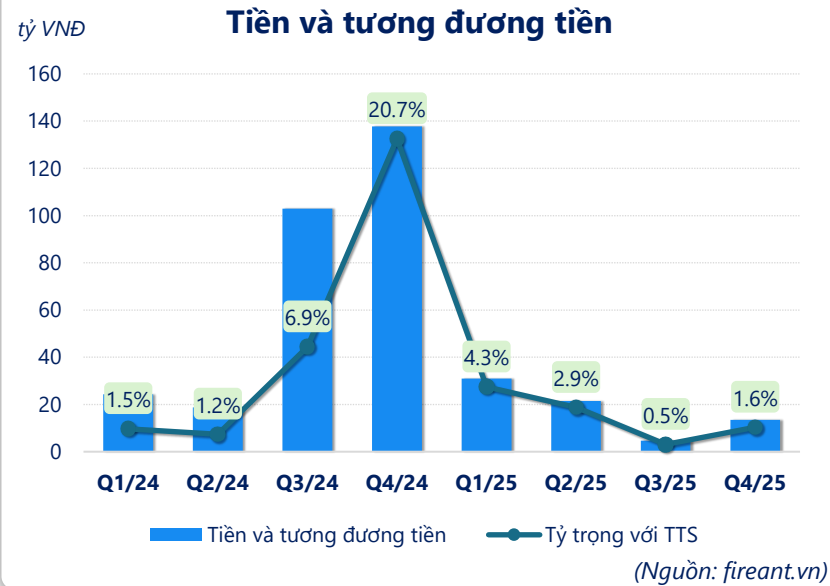
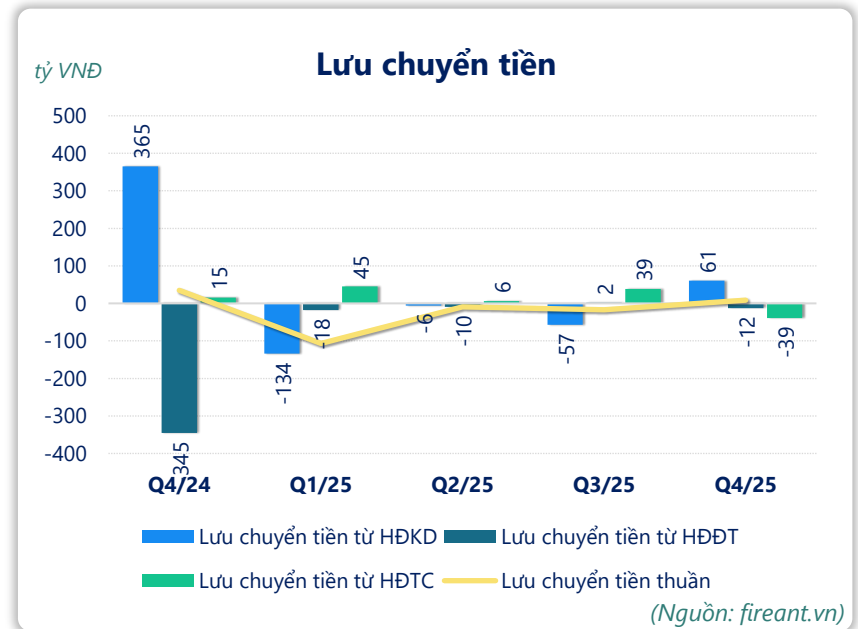
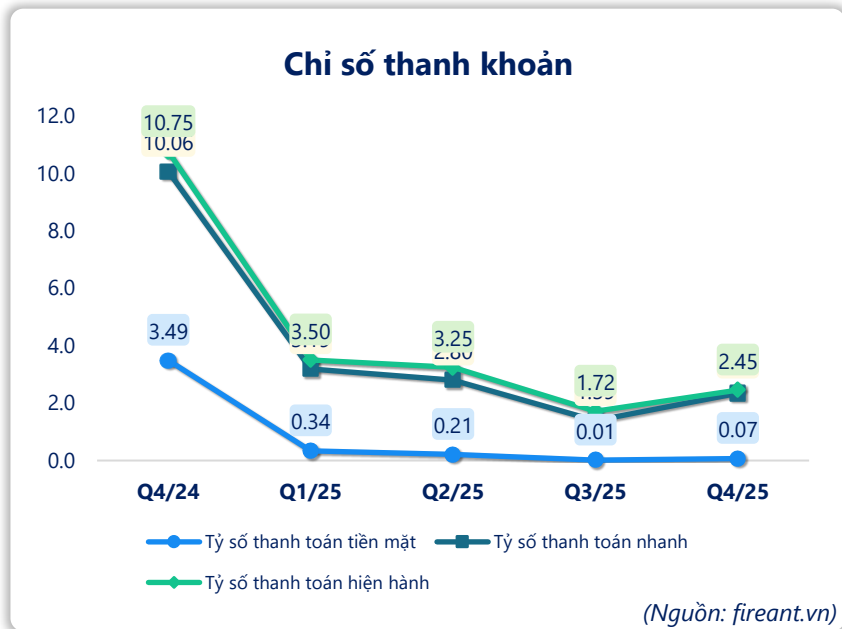
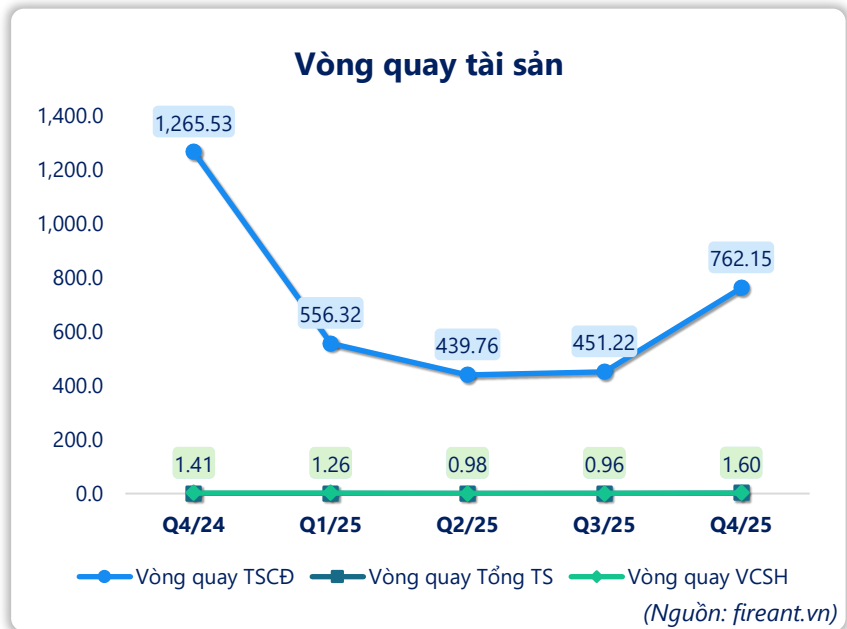
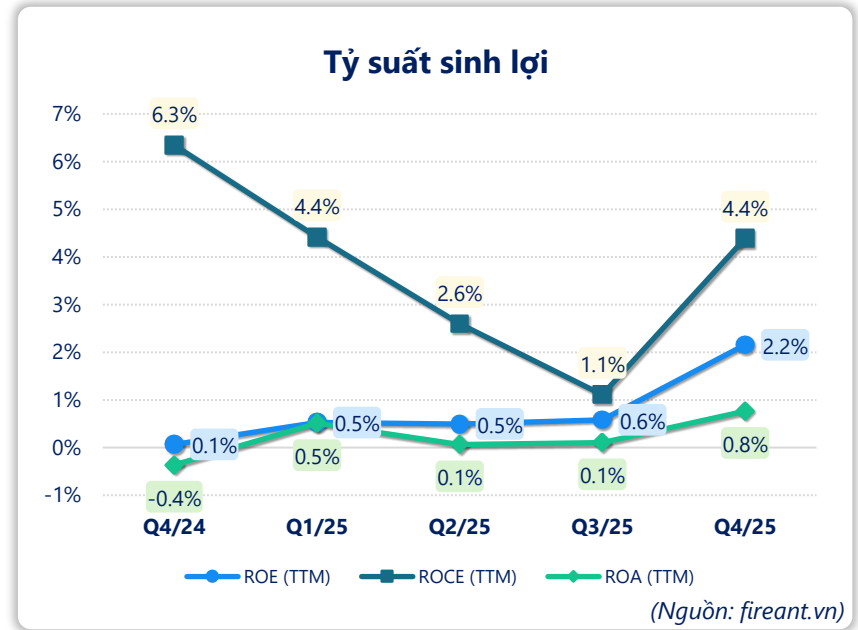
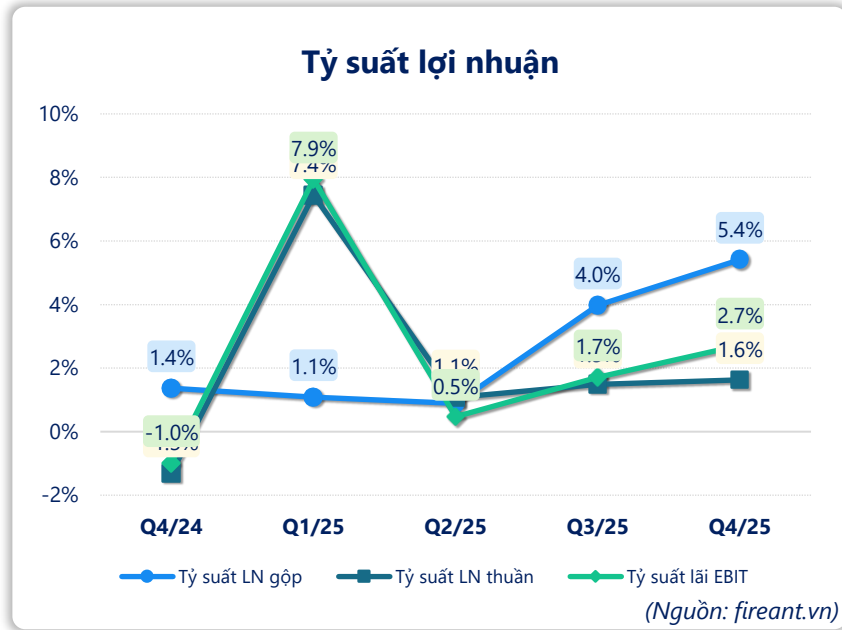
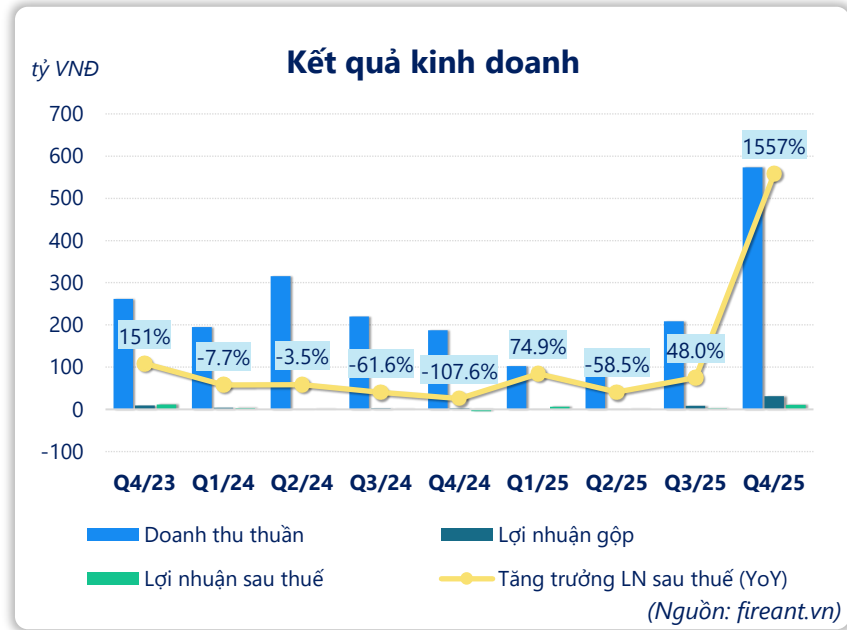


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,660
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,160
SL cổ phiếu LH		51,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		346,175
% sở hữu nước ngoài		1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		442
P/E		32.3
EPS		268

	YTD	1T	3T	6T
TNT	103.8%	7.4%	7.2%	72.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	833	665	25.2%
Tài sản ngắn hạn	460	424	8.5%
Tiền và tương đương tiền	13.5	138	-90.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	109	0.02	484755%
Phải thu ngắn hạn	315	252	24.7%
Hàng tồn kho	20.5	27.2	-24.5%
Tài sản ngắn hạn khác	3.28	7.20	-54.4%
Tài sản dài hạn	372	241	54.8%
Phải thu dài hạn	300	220	36.6%
Tài sản cố định	1.24	1.42	-12.8%
Bất động sản đầu tư	50.9	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	20.2	19.5	3.7%
Tài sản dài hạn khác	0.01	0.05	-70.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	188	40.2	368%
Nợ ngắn hạn	188	39.5	375%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	70.6	20.3	248%
Phải trả người bán ngắn hạn	81.5	11.1	636%
Nợ dài hạn	0.52	0.76	-31.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.52	0.76	-31.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	645	625	3.2%
Vốn chủ sở hữu	645	625	3.2%
Vốn điều lệ	510	510	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	188	102	132	208	574
Giá vốn hàng bán	185	101	131	200	542
Lợi nhuận gộp	2.57	1.11	1.17	8.28	31.0
Doanh thu HĐTC	3.96	7.63	4.66	0.82	0.19
Chi phí TC	12.0	0.73	3.69	8.41	24.5
Chi phí lãi vay	2.88	0.67	-0.50	0.47	2.75
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.95	0.53	0.68	0.63	0.47
Chi phí QLDN	-3.97	-0.12	0.04	-3.03	-3.10
LN thuần từ HĐKD	-2.46	7.61	1.42	3.10	9.32
Lợi nhuận khác	-2.27	-0.16	-0.30	0.00	3.49
LN trước thuế	-4.73	7.45	1.12	3.10	12.8
Lợi nhuận sau thuế	-4.56	6.00	0.65	2.76	10.4
LNST của CĐ cty mẹ	-4.13	5.90	0.75	1.32	5.72

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	365	-134	-5.67	-57.3	60.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-345	-18.0	-9.51	1.85	-12.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.0	45.1	5.68	38.7	-39.5
Tiền đầu kỳ	103	138	31.0	21.5	4.72
Lưu chuyển tiền thuần	34.8	-107	-9.49	-16.7	8.74
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	138	31.0	21.5	4.72	13.5

(Nguồn: fireant.vn)